

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2022

“V/v Tranh chấp xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Bà Nguyễn Hồng Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2022/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Phương T- sinh năm: 1977. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn G - Sinh năm: 1972. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - Bà Lê Thị Phương T trình bày:

Bà và ông Trần Văn G được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000. Đến nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, ông G thường có hành vi bạo lực gia đình, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Trung K - sinh ngày: 10/09/2001 và Trần Thị Yến Ph - sinh ngày: 10/7/2003. Hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn G để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, triệu tập tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh G không nộp bản tự khai cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy bà T và ông G chung sống như vợ chồng từ năm 2000 nhưng đến nay ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của luật Hôn nhân và gia đình, nay bà T yêu cầu ly hôn nên đề nghị áp dụng Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà T và ông G là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Phương T khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Văn G. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện G nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, ông G với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Phương T và ông Trần Văn G cưới nhau vào năm 2000, đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay bà T có yêu cầu xin ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Phương T và ông Trần Văn G là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Theo bà T trình bày và giấy khai sinh có cơ sở xác định bà T và ông G 02 con chung tên Trần Trung K - sinh ngày: 10/09/2001 và Trần Thị Yến Ph - sinh ngày: 10/7/2003. Hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005945 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Phương T và ông Trần Văn G là vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm bà T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai thu tiền số 0005945 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, bà T được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 19/9/2022, ông G được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An